CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI HÓA DẦU VP
VP Petrochemical Transport Joint Stock Company
Add: Room 7.03, 43 Quang Trung, Hồng Bàng,Hải Phòng
Tel: +84 31 3730011; Fax: +84 31 3730012; E-mail: vpcom@vnn.vn

Hải Phòng, ngày 11 tháng 06 năm 2015

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2014 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2015

I/ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2014

Đặc điểm, tình hình trong năm kế hoạch :

- Nhu cầu nhập nhựa đường lỏng về Việt Nam tăng cao hơn các năm trước, ngay cả thời gian sau Tết âm lịch (thường rất kém trong các năm trước) do các dự án làm đường được chủ đầu tư tập trung triển khai, đẩy nhanh tiến độ.
- Bên cạnh việc chuyên chở nhựa đường nhập khẩu cuả Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex, Công ty đã mở rộng thị trường khai thác vận chuyển giữa các nước trong khu vực Đông nam Á (trong năm đã thực hiện 14 chuyến hàng từ S'pore đi các cảng thuộc Indonesia);
- Từ tháng 8/2014 đã dừng hoạt động tuyến Maoming - Hải Phòng, đây là một tuyến hoạt động rất hiệu quả của Công ty;
- Giá nhiên liệu: Vẫn duy trì ở mức cao trong hầu hết thời gian trong năm. Tuy nhiên trong Quý 4/2014, bắt đầu xu hướng giảm giá, đặc biệt giảm mạnh vào tháng 12/2014, yếu tố này đã làm giảm đáng kể chi phí, tăng hiệu quả khai thác tàu của Công ty;
- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo kịp thời của HĐQT, sự tin tưởng, ủng hộ từ các Cổ đông, đặc biệt là hai cổ đông chi phối (Tổng công ty PLC và Công ty VIPCO) và các đơn vị trong Tập đoàn xăng dầu Việt Nam. Tập thể CB-CNV trong Công ty đã chủ động, quyết tâm hơn trong việc thực hiện, triển khai công việc được giao.

1/ Hoạt động sản suất kinh doanh trong năm 2014

a/ Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2014 so với kế hoạch được giao như sau :

Đơn vị tính : 1.000 VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch	Thực hiện	Chênh lệch	
				Số tuyệt đối	Tỷ lệ %
I	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**134.127.378**	**143.884.855**	**9.757.477**	**7%**
II	**Giá vốn dịch vụ**	**105.357.483**	**112.337.619**	**6.980.136**	**7%**
1	Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.565.622	23.426.477	-2.139.145	-8%
2	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu, vật tư phụ	3.925.000	3.789.130	-135.870	-3%
3	Chi phí bảo hiểm	4.110.298	4.022.132	-88.166	-2%
4	Chi phí nhiên liệu, dầu nhờn	46.154.003	53.519.346	7.365.343	16%
5	Chi phí nhân công (tiền lương, ăn định lượng cho thuyền viên, trợ cấp thôi việc)	9.930.178	9.973.895	43.717	0%
7	Chi phí cảng phí & Phí qua eo Hải Nam	12.939.750	13.142.604	202.854	2%
8	Phí quản lý tàu	1.178.100	1.178.181	81	0%
9	Chi phí khác (khoán chi phí tiếp khách 2 đầu bến, phí cho thuê thuyền viên, thông tin liên lạc FBB, nước ngọt…)	1.554.532	3.285.854	1.731.322	111%
III	**Lợi nhuận gộp (III = I – II)**	**28.769.895**	**31.547.236**	**2.777.341**	**10%**
IV	**Doanh thu hoạt động tài chính**		**2.333.464**	**2.333.464**	
V	**Chi phí hoạt động tài chính**	**25.787.403**	**28.481.497**	2.694.094	10%
1	Chi phí lãi vay	21.817.807	20.780.148	-947.659	-5%
2	Chi phí tài chính (lỗ do đánh giá lại số dư nợ phải trả có gốc ngoại tệ)	3.969.597	7.701.349	1.001.182	94%
VI	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**2.823.889**	**3.033.851**	**209.962**	**7%**
VI	**Thu nhập khác**		**2.327.456**		
VII	**Chi phí khác**		**2.497.729**		
VIII	**Lợi nhuận trước thuế**	**158.603**	**2.195.077**		
IX	**Chi phí thuế TNDN**	**-**	**439.015**		
X	**Lợi nhuận sau thuế**	**158.603**	**1.756.061**		

b/ Chi tiết hiệu quả hoạt động khai thác của từng tàu :

Đơn vị tính : 1.000 VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Tàu VP 1	Tàu VP 2	Tổng cộng
I	**Doanh thu**	**67.702.256**	**76.182.599**	**143.884.855**
II	**Giá thành**	**55.190.068**	**57.147.551**	**112.337.619**
1	Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.560.685	11.865.792	23.426.477
2	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu, vật tư phụ tùng.	2.072.586	1.716.544	3.789.130
3	Chi phí bảo hiểm	1.995.289	2.026.843	4.022.132
4	Chi phí nhiên liệu, dầu nhờn	27.481.208	26.038.139	53.519.347
5	Chi phí nhân công	4.964.885	5.009.010	9.973.895
7	Chi phí cảng phí và Phí qua eo Hải Nam	5.256.204	7.886.400	13.142.604
8	Phí quản lý tàu	554.370	623.811	1.178.181
9	Chi phí khác	1.304.840	1.981.013	3.285.853
III = I-II	**Lợi nhuận gộp**	**12.512.187**	**19.035.049**	**31.547.236**
1	Chi phí tài chính	12.303.455	13.844.578	26.148.033
2	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.427.521	1.606.331	3.033.851
IV	**Lợi nhuận trước thuế**	**-1.218.788**	**3.584.139**	**2.365.351**

c/ Phân tích, diễn giải một số chỉ tiêu tăng/giảm đáng kể so với kế hoạch như sau :

- Doanh thu tăng tương đương 7% do sản lượng vận chuyển tăng khoảng 3%;
- Khấu hao tài sản giảm trên 2,0 tỷ VNĐ do kế hoạch 2014 được duyệt đã tính đến giá trị tài sản sau khi hoàn thành quyết toán và thanh toán xong cho Công ty Hồng Hà;
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng giảm 0,136 tỷ VNĐ do một số phụ tùng máy chưa đưa vào sử dụng trong qua trình bảo quản/bảo dưỡng;
- Lãi suất vay ngân hàng của Công ty trong cả năm ổn định ở mức 5,5%/năm;

- Chi phí nhiên liệu, dầu nhờn tăng 7,3 tỷ VNĐ do thời gian vận doanh thực tế trong năm của cả hai tàu tăng 76 ngày so với kế hoạch, trong đó thời gian chạy hành trình mỗi tàu tăng 36 ngày; Tổng số giờ chạy thiết bị hâm hàng (Thermal Oil) theo yêu cầu giữ nhiệt độ hàng của người thuê tàu là 5.437 giờ và 2.147 giờ (tương ứng với tàu VP1 và VP2) chưa được đưa vào kế hoạch 2014;
- Chi phí khác tăng 1,7 tỷ VNĐ do một số khoản mục sau chưa có trong kế hoạch 2014 : Phí môi giới các Hợp đồng thuê tàu, vận chuyển và khám sức khỏe (thay thuyền viên), phí chuyển tiền, phí phát sinh do sự cố an ninh hàng hải…

2/ Công tác nhân sự và tổ chức, tiền lương

Trong năm, mô hình bộ máy quản lý - điều hành của Công ty không thay đổi. Số lượng lao động trong Công ty có biến động như sau :

- Tổng số lao động đầu kỳ : 8 người;
- Tổng số lao động cuối kỳ : 7 người.

(Trong kỳ đã có một lao động - nhân viên thuộc bộ phận khai thác, xin chấm dứt hợp đồng từ tháng 7/2014, hiện tại Công ty vẫn chưa tuyển dụng thêm).

Tình hình sử dụng quỹ tiền lương (QTL) trong năm 2014 :

- QTL kế hoạch : 1.283.040.000 đ;
- QTL đã trích trong năm 2014 : 1.243.440.000 đ;
- Chênh lệch QTL kế hoạch so với thực trích : - 39.600.000 đ.

Chênh lệch QTL kế hoạch so với thực trích giảm 39.600.000đ do giảm trích QTL theo thực tế thay đổi số lượng lao động trong Công ty.

3/ Công tác tài chính - Kế toán

- Trong năm Công ty đã trả ngân hàng số tiền là 2.828.963 USD, trong đó 1.850.000 USD là nợ gốc và 973.631 USD là lãi vay;
- Thực hiện chỉ đạo của HĐQT v/v giảm chi phí tài chính, Công ty đã tạm ứng trước cước vận chuyển của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex với số tiền tương đương 1.000.000 USD với chi phí thấp hơn lãi vay ngân hàng để trả nợ gốc cho PGBank;

- Tổng dư nợ của Công ty tính đến 31/12/2014 là 17.032.446 USD. Trong đó :

  + PGBank : 16.032.446 USD;

  + Cty TNHH Nhựa đường Petrolimex : 1.000.000 USD;

  (Chưa tính đến giá trị hợp đồng đóng tàu chưa được quyết toán)

- Trong năm 2014, công tác tài chính - kế toán của Công ty đã thu xếp đảm bảo đủ vốn cho hoạt động SXKD, trả lương cho người lao động, bảo toàn được vốn của Công ty, không phát sinh công nợ khó đòi.

4/ Tình hình thanh, quyết toán hợp đồng đóng tàu

Quyết toán hợp đồng đóng tàu với Công ty đóng tàu Hồng Hà chưa hoàn thành do phía Công ty đóng tàu Hồng Hà chưa tập hợp đủ hồ sơ pháp lý liên quan đến gói thuế nhập khẩu phần điện của dự án, do vậy Công ty chưa có đủ cơ sở để ký quyết toán.

Xác định nguyên giá tài sản :

Do chưa hoàn thành việc quyết toán với Công ty đóng tàu Hồng Hà, Công ty tiếp tục tạm thời xác định nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) của 02 tàu VP ASPHALT 1 và VP ASPHAL 2 dựa trên toàn bộ chi phí đã thực hiện thanh toán hoặc quyết toán với các đối tác thực hiện Dự án. Công ty sẽ xác định lại nguyên giá TSCĐ sau khi có báo cáo thẩm tra Quyết toán Dự án hoàn thành của đơn vị Kiểm toán độc lập và được HĐQT/Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Theo cách tính trên, nguyên giá TSCĐ của 02 tàu tính đến thời điểm 31/12/2014 là 515.382.499.600 VNĐ.

II/ KẾ HOẠCH NĂM 2015

1/ Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015

Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014, dự báo về nhu cầu sử dụng, tiêu thụ nhựa đường trong năm 2015 trên thị trường và điều kiện, năng lực của Công ty. Ban điều hành Công ty trình HĐQT dự thảo kế hoạch SXKD năm 2015 với những chỉ tiêu chính như sau :

Đơn vị tính : 1.000 VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2014	Thay đổi (%)
I	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**137,380,902**	**143,884,855**	**95%**
II	**Giá vốn dịch vụ**	**102,451,464**	**112,337,619**	**91%**
1	Chi phí khấu hao tài sản cố định	25,565,622	23,426,477	109%
2	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tàu, vật tư phụ	8,050,000	3,789,130	212%
3	Chi phí bảo hiểm	4,746,817	4,022,132	118%
4	Chi phí nhiên liệu, dầu nhờn	37,070,672	53,519,346	69%
5	Chi phí nhân công	10,050,178	9,973,895	101%
7	Chi phí cảng phí và Phí qua eo Hải Nam	11,976,734	13,142,604	91%
8	Phí quản lý tàu	1,178,100	1,178,181	100%
9	Chi phí khác	3,813,341	3,285,854	116%
III = I-II	**Lợi nhuận gộp**	**34,929,438**	**31,547,236**	**111%**
IV	Doanh thu hoạt động tài chính	50,000	2,333,464	2%
V	Chi phí hoạt động tài chính	25,687,117	28,481,497	90%
1	Chi phí lãi vay	17,328,330	20,780,148	83%
2	Chi phí lãi vay do huy động của các tổ chức khác	1,711,327		
3	Chi phí tài chính (Biến động tỷ giá 2%)	6,647,460	7,701,349	86%
VI	**Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**3,605,458**	**3,033,851**	**119%**
VII	**Thu nhập khác**		**2,327,454**	**0%**
VIII	**Chi phí khác**		**2,497,729**	**0%**
IX	**Lợi nhuận trước thuế**	**5,686,862**	**2,195,076**	**259%**
X	**Chi phí thuế TNDN**	**1,137,372**	**439,015**	**259%**
XI	**Lợi nhuận sau thuế**	**4,549,490**	**1,756,061**	**259%**

Ghi chú :

- *Giá nhiên liệu lập kế hoạch lấy theo thời điểm giá dầu thô giao dịch trên thị trường ở mức 60 USD/thùng;*
- *Tỷ giá tăng phạm vi +2,0%;*
- *Chi tiết các khoản mục chi phí theo tờ trình kế hoạch;*

- *Tàu VP1 phải dừng khai thác để kiểm tra trên đà trước ngày 15/8/2015.*

3/ Những biện pháp tổ chức thực hiện

- Đẩy mạnh việc tìm kiếm đối tác thuê tàu, phát triển thị trường khu vực phía Nam;
- Chủ động trong công tác quản lý và kiểm tra/hỗ trợ kỹ thuật cho đội tàu: Cần quán triệt đến mọi CB-CNV trong Công ty: Đây là vấn đề quyết định chất lượng dịch vụ của Công ty. Đảm bảo kỹ thuật là điều kiện tiên quyết để hoàn thành kế hoạch sản xuất. Tình trạng kỹ thuật của đội tàu đã luôn đảm bảo trong thời gian qua, tuy nhiên cần phải luôn chủ động đối phó, khắc phục mọi tình huống xảy ra khi tình trạng các trang thiết bị sẽ xuống cấp theo thời gian hoạt động – đặc biệt đối với tàu hoạt động trên các tuyến có điều kiện thời tiết xấu, các kho cảng đầu mối ở nước ngoài;
- Rà soát lại, điều chỉnh và xây dựng các định mức khoán phù hợp, linh hoạt cho đội tàu đối với mỗi khoản mục chi phí nhằm tiết giám chi phí đến mức tối đa, tăng hiệu quả hoạt động khai thác.
- Nghiên cứu, trình HĐQT sửa đổi Quy chế tiền lương, Quy chế quản lý đầu tư, nhằm khuyến khích, phát huy tối đa năng lực, tính chủ động của người lao động.

Thay mặt Ban điều hành, Giám đốc Công ty trân trọng báo cáo./.

CÔNG TY CP VẬN TẢI HÓA DẦU VP